

Số: 987/QĐ-YDHP

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Quy định xét miễn và công nhận điểm học phần trong chương trình đào tạo bậc đại học hệ chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ- TTg ngày 25-01-1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng và Quyết định số 2153/QĐ – TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 161/2015/QĐ-YDHP ngày 16/03/2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc ban hành Quy chế đào tạo theo tín chỉ;

Căn cứ Thông tư số 40/2012/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng - an ninh;

Căn cứ Công văn số 4417/BGDĐT-ĐH&SDH ngày 03 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn học và thi các môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của ông Trưởng Phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về việc xét miễn và công nhận điểm học phần trong chương trình đào tạo bậc đại học hệ chính quy của trường Đại học Y Dược Hải Phòng”.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Các đơn vị đào tạo có trách nhiệm tổ chức xét miễn và công nhận điểm học phần trong chương trình đào tạo bậc đại học hệ chính quy theo quy định.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng Phòng Đào tạo, trung tâm khảo thí và quản lý chất lượng giáo dục; Phòng TCKT, các Khoa, bộ môn, giảng viên và sinh viên có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu HCTH, ĐTĐH.



HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Phạm Văn Thúc

QUY ĐỊNH

Về việc xét miễn và công nhận điểm học phần trong chương trình đào tạo bậc đại học hệ chính quy

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 987/QĐ-YDHP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định việc xét và công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức được miễn trừ trong chương trình đào tạo bậc đại học hệ chính quy (*sau đây gọi là xét miễn và công nhận điểm học phần*).

2. Quy định này áp dụng đối với sinh viên đang theo học hệ chính quy của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Điều 2. Tổ chức và quy trình thực hiện xét miễn và công nhận điểm học phần

1. Hiệu trưởng ban hành Quyết định thành lập Hội đồng xét miễn và công nhận điểm học phần của Trường. Riêng đối với hình thức đào tạo liên thông từ trình độ cao đẳng lên trình độ đại học thì Hội đồng xét miễn và công nhận điểm học phần là Hội đồng Đào tạo liên thông được thành lập theo Thông tư số 55/2012/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định đào tạo liên thông trình độ cao đẳng, đại học.

2. Trường các Khoa; Trường Bộ môn trực thuộc; Trường quản lý ngành đào tạo (*sau đây gọi là Trường Khoa*) chịu trách nhiệm ban hành Quyết định thành lập các Tổ xét miễn và công nhận điểm học phần thuộc đơn vị. Tổ xét miễn và công nhận điểm học phần gồm ít nhất 3 thành viên là: lãnh đạo của đơn vị là ủy viên của Hội đồng xét miễn và công nhận điểm học phần Trường, Trưởng hoặc Phó trưởng bộ môn phụ trách ngành đào tạo và giáo vụ của đơn vị (ngoài ra có thể bổ sung thêm thành viên là giảng viên có kinh nghiệm về ngành đào tạo). Tổ xét miễn và công nhận điểm học phần chịu trách nhiệm xem xét và đề nghị công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức được miễn trừ cho mỗi sinh viên. Tổ xét miễn và công nhận điểm học phần lập biên bản xét miễn và công nhận điểm học phần (*theo Mẫu ở Phụ lục 5*); tổng hợp kết quả xét miễn và công nhận điểm học phần (*theo Mẫu ở Phụ lục 6*); trình Trường Khoa/ Bộ môn phê duyệt danh sách (các) học phần được xét miễn cho mỗi sinh viên, bản sao các chứng chỉ sử dụng để xét miễn học phần và gửi cho Hội đồng xét miễn và công nhận điểm học phần Trường thông qua Phòng Đào tạo Đại học; và gửi kết quả xét miễn và công nhận điểm học phần cho từng sinh viên thông qua GVCN/cố vấn học tập.

3. Phòng Đào tạo Đại học chịu trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu kết quả xét miễn và công nhận điểm học phần của văn bản và dữ liệu nhập kết quả xét miễn và công

nhận điểm học phần của đơn vị quản lý ngành đào tạo (*Khoa/Bộ môn trực thuộc Trường sau đây gọi là đơn vị đào tạo*); kiểm tra văn bằng, chứng chỉ,... được sử dụng để xét miễn học phần; nếu phát hiện có sai sót thì điều chỉnh dữ liệu kết quả xét miễn học phần, phản hồi và in kết quả xét miễn học phần đã được điều chỉnh gửi đơn vị đào tạo để Trường Khoa/bộ môn xét duyệt lại. Kết quả phê duyệt lại được đơn vị đào tạo gửi cho sinh viên có liên quan thông qua giáo viên chủ nhiệm/cố vấn học tập để điều chỉnh kế hoạch học tập. Sau khi được phê duyệt của Hội đồng xét miễn và công nhận điểm học phần, các văn bản biên bản và kết quả xét miễn và công nhận điểm học phần được lưu hồ sơ điểm do Phòng Đào tạo Đại học quản lý.

4. Các đơn vị chịu trách nhiệm quản lý học phần có trong chương trình đào tạo có trách nhiệm tư vấn về việc xét miễn và công nhận điểm học phần nếu nhận được yêu cầu.

5. Các đơn vị được phép cấp chứng chỉ và chứng nhận của Trường có trách nhiệm kiểm tra thông tin về chứng chỉ có liên quan nếu nhận được yêu cầu.

6. Đối với sinh viên cần thực hiện như sau:

a) Vào đầu khóa học, căn cứ vào chương trình đào tạo (CTĐT) sẽ học, sinh viên có thể làm đơn đề nghị đơn vị đào tạo xem xét miễn và công nhận điểm học phần mà trong CTĐT bậc đại học đã học trước đó (nếu có) đã tích lũy được có nội dung và khối lượng tương đương hoặc lớn hơn (*xem Mẫu đơn ở Phụ lục 4*). Trường hợp này, sinh viên làm Đơn có đính kèm theo bản sao chứng chỉ và bảng điểm của cơ sở đào tạo bậc đại học trước đây (có chứng thực) gửi cho đơn vị đào tạo (thông qua giáo viên chủ nhiệm/cố vấn học tập) để tổ chức việc xét miễn và công nhận điểm học phần.

b) Sinh viên trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh Bằng đại học thứ hai và tuyển sinh Liên thông từ trình độ cao đẳng lên trình độ đại học không cần làm đơn xét miễn và công nhận điểm học phần và nộp bản sao bảng điểm (do bảng điểm đã được nộp trong hồ sơ đăng ký dự thi và được Phòng Đào tạo Đại học chuyển đến đơn vị đào tạo để tổ chức việc xét miễn và công nhận điểm học phần theo kế hoạch tuyển sinh hàng năm).

c) Sinh viên căn cứ kết quả xét miễn và công nhận điểm học phần được phê duyệt, thông qua tư vấn của giáo viên chủ nhiệm/cố vấn học tập, lập kế hoạch học tập toàn khóa và đăng ký học các học phần cần phải tích lũy cho các học kỳ.

d) Trong thời gian học tập, sinh viên có thể làm đơn đề nghị đơn vị đào tạo xem xét miễn và công nhận điểm học phần bổ sung nếu có các chứng chỉ, chứng nhận được đề cập ở khoản 4, Điều 3 của văn bản này (*xem Mẫu đơn ở Phụ lục 2*). Đơn vị đào tạo có trách nhiệm xét miễn và công nhận điểm học phần do sinh viên nộp bổ sung (các) chứng chỉ; lập danh sách sinh viên được xét miễn và công nhận điểm học phần và gửi cùng bản sao chứng chỉ có ký xác nhận của Trường Khoa/bộ môn cho Phòng Đào tạo Đại học. Phòng Đào tạo Đại học có trách nhiệm kiểm tra; nhập điểm miễn vào phần mềm quản lý đào tạo. Danh sách sinh viên được xét miễn và công nhận điểm học phần và bản sao chứng chỉ được lưu hồ sơ điểm do Phòng Đào tạo Đại học quản lý.

Điều 3. Nguyên tắc và hướng dẫn xét miễn và công nhận điểm học phần

1. Chỉ xem xét và công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức được miễn trừ cho các học phần trong chương trình đào tạo (CTĐT) sẽ học mà trong CTĐT đã học trước người học đã tích lũy được có nội dung và khối lượng tương đương hoặc lớn hơn.

2. Cách quy đổi điểm thang điểm 10, thang điểm chữ và thang điểm 4 được thực hiện theo bảng sau đây:

Điểm số theo thang điểm 10	Điểm chữ	Điểm số theo thang điểm
9.0 – 10	A+	4.0
8.5 – 8.9	A	3.7
8.0 – 8.4	B+	3.5
7.0 – 7.9	B	3.0
6.5 – 6.9	C+	2.5
5.5 – 6.4	C	2.0
5.0 – 5.4	D+	1.5
4.0 – 4.9	D	1.0

Học phần chỉ được xem là tích lũy khi đạt từ điểm D trở lên theo thang điểm chữ (*trừ học phần Giáo dục quốc phòng – an ninh phải đạt từ điểm D+ trở lên*) và đạt từ điểm 5,0 trở lên theo thang điểm 10.

3. Nếu có 1 học phần (hoặc nhiều học phần) được xét miễn từ 2 học phần trở lên đã học thì điểm của học phần được xét miễn là trung bình có trọng số của điểm các học phần đã học (trọng số là số tín chỉ hoặc số đơn vị học trình của các học phần đã học). Nếu có 2 học phần được xét miễn từ 1 học phần đã học thì điểm của các học phần được miễn là điểm của học phần đã học.

4. Xét miễn các học phần điều kiện tương ứng nếu sinh viên có các chứng chỉ như sau:

- Chứng chỉ ngoại ngữ (*xem hướng dẫn ở khoản 5, Điều 3 này*);
 - Chứng chỉ Tin học (*xem hướng dẫn ở khoản 6, Điều 3 này*);
 - Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh (*xem hướng dẫn ở khoản 7, Điều 3 này*);
 - Chứng chỉ Giáo dục thể chất (*xem hướng dẫn ở khoản 8, Điều 3 này*);
- Đối với các học phần điều kiện, điểm xét miễn là điểm "M".

5. Đối với các học phần ngoại ngữ căn bản thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, việc xét miễn học phần như sau:

- Được miễn các học phần Anh văn căn bản nếu đạt một trong các điều kiện sau đây:

- SV có chứng chỉ bậc 2 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

- SV có một trong số các loại Chứng chỉ Tiếng Anh đạt trình độ tiếng Anh tối thiểu như trong Bảng 1 của Phụ lục 1.

b) Được miễn các học phần Pháp văn căn bản nếu đạt một trong các điều kiện sau đây:

- SV có một trong các loại Chứng chỉ Tiếng Pháp đạt trình độ tiếng Pháp tối thiểu như trong Bảng 2 của Phụ lục 1.

c) Được miễn các học phần Pháp văn căn bản nếu đạt một trong các điều kiện sau đây:

d) Được miễn các học phần Pháp văn căn bản nếu đạt một trong các điều kiện sau đây:

d) SV là người nước ngoài theo học chương trình đào tạo bằng tiếng Việt có nguyện vọng không học các học phần ngoại ngữ căn bản.

e) SV đã có bằng đại học, cao đẳng của chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Anh hoặc tiếng Pháp được miễn học các học phần ngoại ngữ căn bản.

f) Các trường hợp đặc biệt khác sẽ do Hội đồng Kiểm tra năng lực ngoại ngữ Trường xem xét quyết định. Cụ thể:

- SV có tham gia kỳ thi kiểm tra năng lực ngoại ngữ đầu khóa học được Hội đồng Kiểm tra năng lực ngoại ngữ Trường xem xét, quyết định xét miễn 1 hoặc nhiều học phần ngoại ngữ căn bản.

- SV có chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh hoặc tiếng Pháp khác với các chứng chỉ ngoại ngữ đã đề cập ở điểm a và điểm b thuộc khoản 5, Điều 3 này. SV làm đơn đề nghị xem xét và đính kèm bản sao chứng chỉ gửi Hội đồng Kiểm tra năng lực ngoại ngữ Trường thông qua Trung tâm khảo thí và quản lý chất lượng giáo dục (TTKT&QLCLGD) (xem Mẫu đơn ở Phụ lục 3). Nếu được sự đồng ý của Hội đồng Kiểm tra năng lực ngoại ngữ Trường, TTKT&QLCLGD lập danh sách SV được xét miễn học phần trình Hội đồng ký duyệt và gửi cùng bản sao chứng chỉ có ký xác nhận của TTKT&QLCLGD Phòng Đào tạo Đại học. Danh sách SV được xét miễn học phần và bản sao chứng chỉ được lưu hồ sơ điểm do Phòng Đào tạo Đại học quản lý. Loại chứng chỉ và cấp độ đã được Hội đồng ký duyệt đồng ý cho xét miễn các học phần ngoại ngữ căn bản được cập nhật bổ sung vào Phụ lục 1 để làm căn cứ xét miễn học phần ngoại ngữ căn bản cho những lần sau mà không phải thông qua xét duyệt của Hội đồng.

6. Đối với các học phần tin học căn bản thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, được xét miễn học phần nếu SV đạt yêu cầu sau:

a) SV có Chứng chỉ Tin học trình độ A do một cơ sở đào tạo được Bộ GD & ĐT hoặc Sở giáo dục và Đào tạo Thành phố Hải Phòng công nhận.

b) SV đã có bằng tốt nghiệp kỹ thuật viên, trung cấp, cao đẳng, đại học các ngành thuộc nhóm ngành máy tính và công nghệ thông tin.

7. Đối với các học phần Giáo dục quốc phòng - an ninh (GDQP-AN)

a) Đối tượng được xét miễn các học phần GDQP-AN:

- SV có giấy chứng nhận sĩ quan dự bị hoặc bằng tốt nghiệp học viện, trường sĩ quan quân đội, công an.

- SV là người nước ngoài.

- SV đào tạo đại học văn bằng thứ hai (đã có học các học phần về GDQP-AN hoặc đã có Chứng chỉ GDQP-AN ở văn bằng thứ nhất).

- SV có Chứng chỉ GDQP-AN được cấp do đã hoàn thành các học phần GDQP-AN khi theo học một chương trình đào tạo bậc đại học.

- SV chuyển trường được xét miễn các học phần GDQP-AN đã tích lũy.

- Đối với SV liên thông từ trình độ cao đẳng lên trình độ đại học hoặc SV có Chứng chỉ GDQP-AN do đã hoàn thành các học phần GDQP-AN khi theo học một chương trình đào tạo cao đẳng chuyên nghiệp.

+ Chứng chỉ GDQP-AN được cấp từ tháng 10 năm 2012 trở về sau thì được xét miễn các học phần GDQP-AN.

+ Chứng chỉ GDQP-AN được cấp từ tháng 09 năm 2012 trở về trước thì được xét miễn học phần GDQP-AN 1 và học phần GDQP-AN 2; phải học bổ sung học phần GDQP-AN 3; và được cấp Chứng chỉ GDQP-AN mới của bậc đào tạo đại học nếu học phần GDQP-AN 3 đạt được kết quả từ điểm D+ (hoặc 5 điểm theo thang điểm 10) trở lên.

b) Đối tượng được miễn học và miễn thi thực hành kỹ năng quân sự thuộc học phần GDQP-AN 3 (Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK, CKC):

- SV có thương tật, khuyết tật bẩm sinh, bị bệnh mãn tính làm hạn chế chức năng vận động có giấy chứng nhận của bệnh viện từ cấp huyện và tương đương trở lên.

- SV đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, có giấy xuất ngũ do đơn vị quân đội có thẩm quyền cấp.

8. Đối với các học phần Giáo dục thể chất (GDTC) thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, được xét miễn học phần nếu SV đạt một trong các yêu cầu sau:

- SV có Chứng chỉ Giáo dục thể chất.

- SV đào tạo đại học văn bằng thứ hai (đã có học các học phần GDTC ở văn bằng thứ nhất).

- SV đã có bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học các ngành thuộc nhóm ngành thể dục thể thao.

9. Đối với các học phần khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, việc xét miễn và công nhận điểm học phần thực hiện như sau: a) Đối tượng được xét miễn học phần:

- SV có bằng tốt nghiệp đại học do các trường đại học của Việt Nam hoặc các trường liên kết mở tại Việt Nam cấp và đã tích lũy các học phần khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh có nội dung và số tín chỉ (đơn vị học trình) tương đương, nhưng tiếp tục học để lấy bằng đại học thứ hai.

- SV có bằng cao cấp lý luận chính trị, cử nhân chính trị, trung cấp lý luận chính trị. Điểm xét miễn cho trường hợp này là điểm “M”.

- SV học 2 chương trình được miễn học cho chương trình thứ hai.

b) Đối tượng phải học bổ sung kiến thức:

- Nếu SV chưa tích lũy học phần “Chủ nghĩa xã hội khoa học” thì phải học bù học phần “Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2”.

- Nếu SV chưa tích lũy học phần “Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam” thì phải học bù học phần “Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam”.

10. Kết quả điểm xét miễn được ghi nhận trong bảng kết quả học tập toàn khóa của sinh viên. Trừ các học phần điều kiện và học phần có điểm M, kết quả điểm xét miễn học phần được sử dụng để tính điểm trung bình chung tích lũy.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các đơn vị có trách nhiệm triển khai và tổ chức thực hiện Quy định này; ghi nhận, kiểm tra và xử lý những trường hợp vi phạm Quy định. Hướng dẫn, giải đáp thắc mắc của sinh viên và viên chức các vấn đề có liên quan; giải trình khi có yêu cầu của Ban Giám hiệu.

2. Các đơn vị có liên quan báo cáo Ban Giám hiệu những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện ./.

Nơi nhận:

- Các đơn vị đào tạo;
- Các Khoa: YTCC, RHM, Dược; ĐD; YHCT, KTYH
- Hội đồng: KH&ĐT; ĐT liên thông;
- Phòng: ĐTĐH, TCKT;
- Trung tâm: Khảo thí & QLCLGD;
- Lưu: ĐTĐH; HCTH



HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Phạm Văn Thức